

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP  
Đợt xét: TN40\_DOT4\_160719 - 16/07/2019**

| TT | Mã sinh viên | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại   | Ngành tốt nghiệp |
|----|--------------|-----------------|-------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|------------|------------------|
| 1  | 400114       | Nguyễn Đức      | Thuận | 20/01/1997 | Quảng Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4001        | 128     | 7.14      | 2.75           | Khá        | Ngành Luật       |
| 2  | 400117       | Nguyễn Văn      | Nhật  | 10/07/1996 | Hà Tĩnh     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4001        | 126     | 7.13      | 2.8            | Khá        | Ngành Luật       |
| 3  | 400144       | Ngô Thị         | Tuyết | 08/12/1996 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4001        | 128     | 6.84      | 2.55           | Khá        | Ngành Luật       |
| 4  | 400150       | Giàng A         | Nù    | 16/07/1995 | Lai Châu    | Nam       | HMông   | Việt Nam  | 4001        | 133     | 6.21      | 2.25           | Trung bình | Ngành Luật       |
| 5  | 400151       | Dương Thị Lan   | Anh   | 21/08/1997 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4001        | 126     | 6.94      | 2.63           | Khá        | Ngành Luật       |
| 6  | 400371       | Trần Văn        | Ninh  | 16/02/1996 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4003        | 128     | 6.76      | 2.56           | Khá        | Ngành Luật       |
| 7  | 400429       | Trần Thúy       | Hạnh  | 12/11/1996 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4004        | 134     | 6.93      | 2.62           | Khá        | Ngành Luật       |
| 8  | 400435       | Phùng Mạnh      | Tài   | 13/12/1997 | Nam Định    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4004        | 131     | 6.84      | 2.51           | Khá        | Ngành Luật       |
| 9  | 400441       | Sầm Thị Diệu    | Sương | 13/03/1997 | Nghệ An     | Nữ        | Thái    | Việt Nam  | 4004        | 128     | 6.85      | 2.62           | Khá        | Ngành Luật       |
| 10 | 400442       | Nguyễn Thị Hải  | Yến   | 20/04/1996 | Thái Nguyên | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 4004        | 129     | 7.01      | 2.71           | Khá        | Ngành Luật       |
| 11 | 400453       | Dương Thị Quỳnh | Trang | 30/08/1997 | Nghệ An     | Nữ        |         | Việt Nam  | 4004        | 128     | 6.92      | 2.63           | Khá        | Ngành Luật       |
| 12 | 400541       | Nguyễn Thị      | Linh  | 12/11/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4005        | 128     | 6.72      | 2.53           | Khá        | Ngành Luật       |
| 13 | 400568       | Nguyễn Huy      | Khánh | 18/03/1997 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4005        | 126     | 7.12      | 2.83           | Khá        | Ngành Luật       |
| 14 | 400603       | Đỗ Hoàng        | Hiệp  | 06/06/1997 | Hạ Long     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4006        | 127     | 7.15      | 2.75           | Khá        | Ngành Luật       |
| 15 | 400713       | Phạm Thu        | Huyền | 05/12/1997 | Hoà Bình    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4007        | 134     | 7.23      | 2.78           | Khá        | Ngành Luật       |
| 16 | 400737       | Lâm Thạch       | Thảo  | 29/09/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Hoa     | Việt Nam  | 4007        | 127     | 6.84      | 2.58           | Khá        | Ngành Luật       |

| TT | Mã sinh viên | Họ tên         |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại   | Ngành tốt nghiệp |
|----|--------------|----------------|-------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|------------|------------------|
| 17 | 400738       | Nguyễn Phương  | Hà    | 15/01/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4007        | 130     | 6.82      | 2.55           | Khá        | Ngành Luật       |
| 18 | 400746       | Lục Thu        | Hồng  | 03/12/1996 | Cao Bằng    | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 4007        | 127     | 6.77      | 2.55           | Khá        | Ngành Luật       |
| 19 | 400766       | Thào Thuỷ      | Tiên  | 13/06/1996 | Hà Giang    | Nữ        | Mông    | Việt Nam  | 4007        | 128     | 6.97      | 2.66           | Khá        | Ngành Luật       |
| 20 | 400806       | Đinh Phương    | Thảo  | 09/07/1996 | Lào Cai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4008        | 130     | 7.12      | 2.79           | Khá        | Ngành Luật       |
| 21 | 400811       | Đỗ Duy         | Khánh | 15/07/1997 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4008        | 126     | 6.97      | 2.65           | Khá        | Ngành Luật       |
| 22 | 400813       | Đỗ Thị         | Thơm  | 21/12/1997 | Vĩnh phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4008        | 128     | 6.89      | 2.6            | Khá        | Ngành Luật       |
| 23 | 400853       | Lê Thị Minh    | Thu   | 12/09/1997 | Hà Giang    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4008        | 130     | 6.87      | 2.56           | Khá        | Ngành Luật       |
| 24 | 401004       | Nông Thị Kim   | Liên  | 06/10/1997 | Lào Cai     | Nữ        | Giáy    | Việt Nam  | 4010        | 131     | 6.81      | 2.59           | Khá        | Ngành Luật       |
| 25 | 401020       | Nguyễn Thị     | Hồng  | 27/12/1997 | Nam Định    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4010        | 128     | 6.86      | 2.56           | Khá        | Ngành Luật       |
| 26 | 401032       | Đặng Thủy      | Tiên  | 06/04/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4010        | 127     | 6.77      | 2.54           | Khá        | Ngành Luật       |
| 27 | 401046       | Nguyễn Thùy    | Linh  | 26/09/1997 | Quảng Bình  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4010        | 138     | 7.77      | 3.15           | Khá        | Ngành Luật       |
| 28 | 401055       | Nguyễn Mạnh    | Linh  | 11/05/1996 | Vĩnh Phúc   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4010        | 129     | 7.07      | 2.74           | Khá        | Ngành Luật       |
| 29 | 401065       | Hà Thanh       | Thanh | 28/12/1996 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 4010        | 132     | 6.84      | 2.6            | Khá        | Ngành Luật       |
| 30 | 401070       | Hoàng Thục     | Trình | 21/12/1996 | Lạng Sơn    | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 4010        | 129     | 7.17      | 2.76           | Khá        | Ngành Luật       |
| 31 | 401105       | Phạm Thanh     | Tùng  | 22/06/1997 | hà tĩnh     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4011        | 126     | 6.92      | 2.69           | Khá        | Ngành Luật       |
| 32 | 401116       | Phạm Hoàng     | Chơn  | 27/07/1997 | Thái Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4011        | 126     | 6.95      | 2.65           | Khá        | Ngành Luật       |
| 33 | 401131       | Nguyễn Thị Hải | Yến   | 10/01/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Co      | Việt Nam  | 4011        | 130     | 7.15      | 2.74           | Khá        | Ngành Luật       |
| 34 | 401212       | Bùi Văn        | Chung | 04/07/1997 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4012        | 129     | 6.33      | 2.23           | Trung bình | Ngành Luật       |
| 35 | 401215       | Nguyễn Hữu     | Ngọc  | 19/04/1997 | Nam định    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4012        | 135     | 7.97      | 3.2            | Giỏi       | Ngành Luật       |

| TT | Mã sinh viên | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại   | Ngành tốt nghiệp |
|----|--------------|------------------|-------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|------------|------------------|
| 36 | 401234       | Trần Thị Huyền   | Trâm  | 23/08/1997 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4012        | 126     | 6.86      | 2.61           | Khá        | Ngành Luật       |
| 37 | 401268       | Lương ý          | Dung  | 12/12/1997 | Lạng Sơn    | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 4012        | 126     | 6.84      | 2.62           | Khá        | Ngành Luật       |
| 38 | 401450       | Mã Thị           | Thanh | 12/05/1996 | Lạng Sơn    | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 4014        | 128     | 6.94      | 2.66           | Khá        | Ngành Luật       |
| 39 | 401516       | Lê Thị           | Thom  | 07/04/1997 | BẮC NINH    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4015        | 130     | 7.04      | 2.74           | Khá        | Ngành Luật       |
| 40 | 401551       | Dương Thị Thu    | Hương | 17/11/1997 | Lạng Sơn    | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 4015        | 126     | 6.79      | 2.58           | Khá        | Ngành Luật       |
| 41 | 401556       | Nguyễn Mai Quỳnh | Trang | 01/01/1997 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4015        | 128     | 6.34      | 2.25           | Trung bình | Ngành Luật       |
| 42 | 401617       | Hà Huy           | Quyền | 19/06/1997 | Hải Dương   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4016        | 128     | 6.81      | 2.5            | Khá        | Ngành Luật       |
| 43 | 401661       | Lê Thị Thanh     | Huyền | 02/12/1997 | hà nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4016        | 128     | 6.99      | 2.68           | Khá        | Ngành Luật       |
| 44 | 401701       | Bùi Huyền        | Trang | 27/07/1997 | Lai Châu    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4017        | 127     | 8.02      | 3.32           | Giỏi       | Ngành Luật       |
| 45 | 401743       | Nguyễn Thị Hải   | Huyền | 12/07/1997 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4017        | 126     | 7.04      | 2.75           | Khá        | Ngành Luật       |
| 46 | 401867       | Đặng Thị Quỳnh   | Trang | 12/07/1997 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4018        | 128     | 6.87      | 2.59           | Khá        | Ngành Luật       |
| 47 | 401869       | Trần Thị Thu     | Thủy  | 07/07/1996 | Vĩnh Phúc   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4018        | 131     | 6.98      | 2.69           | Khá        | Ngành Luật       |
| 48 | 401922       | Nguyễn Phương    | Thảo  | 15/02/1997 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4019        | 126     | 7.28      | 2.82           | Khá        | Ngành Luật       |
| 49 | 401958       | Trần Thị         | Anh   | 18/06/1997 | Hải Dương   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4019        | 127     | 6.82      | 2.61           | Khá        | Ngành Luật       |
| 50 | 401968       | Ma Đức           | Lượng | 04/12/1996 | Tuyên quang | Nam       | Tày     | Việt Nam  | 4019        | 126     | 6.39      | 2.37           | Trung bình | Ngành Luật       |
| 51 | 402051       | Đào Thị          | Hương | 11/05/1996 | thanh hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4020        | 126     | 6.39      | 2.28           | Trung bình | Ngành Luật       |
| 52 | 402160       | Vương Quốc       | Nam   | 14/04/1997 | Hải Dương   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4021        | 126     | 7.34      | 2.92           | Khá        | Ngành Luật       |
| 53 | 402172       | Hà Hồng          | Hiệp  | 25/06/1996 | Thanh Hoá   | Nữ        | Thái    | Việt Nam  | 4021        | 142     | 6.73      | 2.5            | Khá        | Ngành Luật       |
| 54 | 402314       | Đỗ Thị Khánh     | Ly    | 11/09/1997 | Hà Giang    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4023        | 128     | 7.05      | 2.69           | Khá        | Ngành Luật       |

| TT | Mã sinh viên | Họ tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh      | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại | Ngành tốt nghiệp          |
|----|--------------|----------------------|------------|---------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|----------|---------------------------|
| 55 | 402348       | Bùi Thị Hà           | 09/10/1996 | Hoà Bình      | Nữ        | Mường   | Việt Nam  | 4023        | 131     | 7.16      | 2.81           | Khá      | Ngành Luật                |
| 56 | 402441       | Dương Ngọc Hà        | 15/12/1997 | Bắc Giang     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4024        | 126     | 6.87      | 2.63           | Khá      | Ngành Luật                |
| 57 | 402444       | Nguyễn Thị Hồng Anh  | 29/11/1997 | Hà Nội        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4024        | 126     | 7.07      | 2.77           | Khá      | nợ NN                     |
| 58 | 402528       | Phạm Thúy Hiền       | 11/11/1997 | Phú Thọ       | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4025        | 126     | 7.08      | 2.75           | Khá      | ngành Luật                |
| 59 | 402612       | Phạm Thị Hằng        | 10/08/1997 | Nam Định      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4026        | 126     | 6.94      | 2.66           | Khá      | Ngành Luật                |
| 60 | 402672       | Chương Thị Thiên     | 15/02/1996 | HÀ GIANG      | Nữ        | Dao     | Việt Nam  | 4026        | 135     | 6.77      | 2.59           | Khá      | Ngành Luật                |
| 61 | 402746       | Lê Thị Bình Tiên     | 20/12/1996 | Hà Tĩnh       | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4027        | 126     | 7.47      | 3.03           | Khá      | Ngành Luật                |
| 62 | 402848       | Vừ A Tủa             | 03/05/1997 | Điện Biên     | Nam       | H'Mông  | Việt Nam  | 4028        | 127     | 6.84      | 2.58           | Khá      | Ngành Luật                |
| 63 | 403117       | Lê Thùy Trang        | 28/04/1997 | Lai Châu      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4031        | 130     | 8.03      | 3.27           | Giỏi     | Ngành Luật kinh tế        |
| 64 | 403222       | Lê Nguyên Tuấn Anh   | 19/07/1995 | Thanh Hóa     | Nam       | Mường   | Việt Nam  | 4032        | 126     | 6.86      | 2.61           | Khá      | Ngành Luật kinh tế        |
| 65 | 403336       | Nguyễn Thị Hương Ly  | 22/09/1997 | Yên Bái       | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4033        | 126     | 7.34      | 2.89           | Khá      | Ngành Luật kinh tế        |
| 66 | 403408       | Phùng Thị Mai        | 27/01/1997 | Bắc Ninh      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4034        | 126     | 7.58      | 3.05           | Khá      | Ngành Luật kinh tế        |
| 67 | 403823       | Nguyễn Kiều Anh      | 28/08/1997 | Liên Bang Nga | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4038        | 129     | 6.73      | 2.51           | Khá      | Ngành Luật TMQT           |
| 68 | 403851       | Trần Thạch Thảo      | 09/06/1997 | Hà Nội        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4038        | 129     | 6.88      | 2.6            | Khá      | Ngành Luật TMQT           |
| 69 | 403853       | Trần Khánh Linh      | 07/08/1997 | Hà Nội        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4038        | 129     | 7.02      | 2.7            | Khá      | Ngành Luật TMQT           |
| 70 | 403864       | Phan Hoàng Nam       | 12/04/1997 | Hà Nội        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4038        | 129     | 7.81      | 3.14           | Khá      | Ngành Luật TMQT           |
| 71 | 403868       | Bùi Kiều My          | 15/04/1997 | Hà Nội        | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4038        | 129     | 7.32      | 2.88           | Khá      | Ngành Luật TMQT           |
| 72 | 403937       | Đỗ Nguyễn Khánh Linh | 08/05/1997 | Thái Bình     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 128     | 6.94      | 2.64           | Khá      | Ngành ngôn ngữ Anh        |
| 73 | 402905       | Nguyễn Việt Khánh    | 01/04/1997 | Hà Nội        | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4029A       | 127     | 7.35      | 2.86           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |

| TT | Mã sinh viên | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại | Ngành tốt nghiệp          |
|----|--------------|------------------|--------|------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|----------|---------------------------|
| 74 | 402915       | Nguyễn Ngọc      | ánh    | 07/08/1996 | Hải Dương  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4029A       | 127     | 7.79      | 3.16           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 75 | 402932       | Bùi Hà           | Phương | 25/07/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4029A       | 127     | 8.21      | 3.38           | Giỏi     | Ngành Luật chất lượng cao |
| 76 | 401206       | Nguyễn Thị Mỹ    | Linh   | 05/06/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4029B       | 130     | 7.89      | 3.19           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 77 | 401707       | Đào Lê Minh      | Trang  | 06/11/1997 | Thanh Hóa  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4029B       | 126     | 8.08      | 3.32           | Giỏi     | Ngành Luật chất lượng cao |
| 78 | 402960       | Đinh Ngọc        | Huyền  | 17/06/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4029B       | 126     | 7.79      | 3.15           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 79 | 401627       | Nguyễn Ngọc      | Anh    | 17/05/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 132     | 7.66      | 3.05           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 80 | 402545       | Nguyễn Đức       | Anh    | 10/11/1997 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 127     | 8.03      | 3.28           | Giỏi     | Ngành Luật chất lượng cao |
| 81 | 403043       | Nguyễn ánh       | Linh   | 05/11/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 127     | 7.79      | 3.17           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 82 | 403056       | Dương Hiểu       | Phong  | 26/07/1997 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 127     | 8.47      | 3.51           | Giỏi     | Ngành Luật chất lượng cao |
| 83 | 403059       | Phạm Văn         | Hùng   | 24/01/1997 | Hà Nội     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 127     | 8.29      | 3.46           | Giỏi     | Ngành Luật chất lượng cao |
| 84 | 403070       | Ngô Minh         | Quân   | 15/07/1997 | Phú Thọ    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4030B       | 127     | 7.61      | 3.05           | Khá      | Ngành Luật chất lượng cao |
| 85 | 403903       | Lê Duy           | Khánh  | 20/04/1997 | Nam Định   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.18      | 2.82           | Khá      | Ngành Luật                |
| 86 | 403914       | Ngô Phương Thanh | Thủy   | 20/09/1997 | Hải Dương  | Nữ        |         | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.44      | 2.98           | Khá      | Ngành Luật                |
| 87 | 403917       | Quách Mai        | Phương | 14/12/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.1       | 2.76           | Khá      | Ngành Luật                |
| 88 | 403918       | Phan Bảo         | Ngọc   | 13/12/1997 | Quảng Ninh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.29      | 2.88           | Khá      | Ngành Luật                |
| 89 | 403921       | Lê Thị Thanh     | Hằng   | 26/08/1997 | Phú Thọ    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 6.73      | 2.54           | Khá      | Ngành Luật                |
| 90 | 403924       | Phùng Thị Thu    | Ngân   | 15/05/1996 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.56      | 3.03           | Khá      | Ngành Luật                |
| 91 | 403928       | Nguyễn Hồng      | Tâm    | 14/10/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.17      | 2.81           | Khá      | Ngành Luật                |
| 92 | 403930       | Nguyễn Thanh     | Thủy   | 22/11/1997 | Hà Nội     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 6.9       | 2.64           | Khá      | Ngành Luật                |

| TT | Mã sinh viên | Họ tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Lớp quản lý | Số TCTL | Điểm TBTL | Điểm TBTL Hệ 4 | Xếp loại | Ngành tốt nghiệp |
|----|--------------|-------------------|------------|-------------|-----------|---------|-----------|-------------|---------|-----------|----------------|----------|------------------|
| 93 | 403932       | Nguyễn Thị Phương | 10/11/1997 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.29      | 2.91           | Khá      | Ngành Luật       |
| 94 | 403942       | Nguyễn Nhật Minh  | 12/11/1997 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 6.92      | 2.65           | Khá      | Ngành Luật       |
| 95 | 403947       | Trần Thu Hiền     | 28/06/1997 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 4039        | 122     | 7.66      | 3.04           | Khá      | Ngành Luật       |
| 96 | 404021       | Bùi Anh Tú        | 01/09/1997 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 4040        | 119     | 6.89      | 2.6            | Khá      | Ngành Luật       |